

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **41** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 6 – 2022

V/v “Chia tài sản sau khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Vui

2. Ông Nguyễn Đình Như

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Chang– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42 /2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố 7, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Nguyễn Thị L:

Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Xuân H kết hôn năm 2001. Ngày 14/9/2003 bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Xuân H cùng thống nhất mua một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của Công ty Bảo hiểm Prudential cho con gái Đỗ Thị Quỳnh G, số hợp đồng 70860680. Phí đóng hàng năm là 1.537.300đ. Hợp đồng do ông H đứng tên. Số tiền gốc người mua bảo hiểm thực đóng là 27.671.400đ, nhưng Công ty bảo hiểm cam kết thanh toán khi tắt toán hợp đồng là 35.000.000đ.

Ngày 22/7/2013 bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Xuân H ly hôn theo Quyết định số 127/2013/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Sau khi ly hôn, bà L tiếp tục đóng tiền bảo hiểm nhân thọ trong hai năm 2013 và 2014. Đến năm 2015 ông H yêu cầu bà L giao hợp đồng cho ông H để ông đóng phí, sau này lấy tiền đó để cho con đi học. Tuy nhiên, ngày 20/9/2021 ông H đã tắt toán hợp đồng bảo hiểm, lãnh toàn bộ số tiền phí bảo hiểm theo hợp đồng và

bảo tức, tổng cộng 49.988.618đ (Bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm mười tám đồng). Sau khi nhận tiền ông H sử dụng riêng hết và không cho con như đã hứa. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông H trả lại cho bà L 20.000.000đ trong tổng số tiền bảo hiểm được thanh toán.

Ông Đỗ Xuân H trình bày:

Ông Đỗ Xuân H và bà Nguyễn Thị L kết hôn năm 2001 và đến năm 2013 thì ly hôn. Năm 2003 ông H, bà L có mua bảo hiểm nhân thọ của Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential cho con Đỗ Thị Quỳnh G, người được hưởng bảo hiểm đứng tên Đỗ Xuân H, thời gian đóng bảo hiểm là 18 năm từ ngày 14/9/2003, số tiền bảo hiểm là 35.000.000 đồng, phí đóng hàng năm là 1.537.300đ. Ông H và bà L cùng nhau đóng tiền bảo hiểm đến năm 2012. Năm 2013 ông bà ly hôn. Theo hóa đơn đóng tiền bảo hiểm do bà L cung cấp tại Tòa án thì ông H thống nhất bà L là người đóng tiền bảo hiểm trong hai năm 2013, 2014. Năm 2015 bà L giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ bản chính cho ông H giữ và đóng bảo hiểm từ năm 2015 cho đến khi kết thúc hợp đồng năm 2021. Năm 2021 ông H thanh toán hợp đồng bảo hiểm và nhận được số tiền 49.988.618đ (Bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm mười tám đồng).

Ông H đồng ý chia đôi tiền bảo hiểm và bảo tức trong thời gian ông và bà L sống chung, số tiền bà L đóng bảo hiểm thì bà được hưởng, số tiền ông H đóng thì ông H được hưởng. Đối với tiền bảo tức, tiền lãi thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Buộc anh Đỗ Xuân H có trách nhiệm trả cho chị L số tiền tương ứng với công sức đóng góp của chị L trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 70860680 ngày 14/9/2003 của Công ty Bảo hiểm Prudetial là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện vụ án yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với ông Đỗ Xuân H có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện Hón Quản, nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước

theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà Nguyễn Thị L Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình xét xử vụ án, bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Xuân H cùng thống nhất trong thời kỳ hôn nhân hai người có mua một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 70860680 của Công ty bảo hiểm Prudential cho con Đỗ Thị Quỳnh G, cả hai cùng nhau đóng tiền bảo hiểm từ năm 2003 đến năm 2012, Năm 2013 ông và bà ly hôn và từ năm 2013-2014 thì bà L là người đóng tiền bảo hiểm, từ năm 2015 – 2021 ông H là người đóng tiền bảo hiểm. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là các tình tiết không phải chứng minh.

[3] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu đòi ông Đỗ Xuân H chia cho bà số tiền bảo hiểm mà bà có công sức đóng góp trong Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 70860680 là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ông H đồng ý chia đôi tiền bảo hiểm và bảo tức trong thời gian ông và bà L sống chung, số tiền bà L đóng bảo hiểm thì bà được hưởng, số tiền ông H đóng thì ông H được hưởng. Đối với tiền bảo tức, tiền lãi thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Căn cứ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ số 70860680 ngày 14/9/2013 và bản minh họa về quyền lợi bảo hiểm có thể tính số tiền bảo hiểm ông H và bà L đã đóng, bảo tức và tiền lãi trong hợp đồng trên như sau:

+ Từ năm 2003 đến năm 2012 là 10 năm, ông H và bà L cùng đóng chung số tiền bảo hiểm là $10 \times 1.537.300\text{đ} = 15.373.000\text{đ}$.

+ Từ năm 2013 đến năm 2014 là 02 năm, bà L đóng số tiền bảo hiểm là $2 \times 1.537.300\text{đ} = 3.074.600\text{đ}$.

+ Từ năm 2015 đến năm 2021 là 06 năm, ông H đóng số tiền bảo hiểm là $6 \times 1.537.300\text{đ} = 9.223.800\text{đ}$.

+ Tiền cổ tức từ năm 2003 đến năm 2012 là 7.664.804đ. Tiền cổ tức từ năm 2013 – năm 2021 là 7.323.814đ.

+ Ngoài ra, Số tiền gốc các đương sự thực đóng là 27.671.400đ, nhưng được Công ty bảo hiểm cam kết thanh toán khi tất toán hợp đồng là 35.000.000đ. Như vậy, hợp đồng trên còn được Công ty bảo hiểm trả lãi thêm là 7.328.600đ.

Trên cơ sở yêu cầu và ý kiến của các bên, nguyên tắc về chia tài sản chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử thống nhất chia số tiền bảo hiểm như sau:

+ Tiền bảo hiểm và tiền bảo tức từ năm 2003 đến năm 2012 được chia đôi cho bà L và ông H mỗi người hưởng một nửa là: $(15.373.000\text{đ} + 7.664.804\text{đ}) : 2 = 11.508.902\text{đ}$.

+ Tiền bảo hiểm năm 2013 và 2014 bà L tự đóng nên được hưởng 3.074.600đ.

+ Tiền bảo hiểm năm 2015 đến năm 2021 ông H tự đóng nên được hưởng 9.223.800đ.

+ Tiền bảo tức từ năm 2013 – năm 2021 là 08 năm, do bà L đóng hai năm nên hưởng 2/8 $[(7.323.814đ : 8) \times 2]$, thành tiền là 1.830.954đ. Ông H đóng 06 năm nên hưởng 6/8, thành tiền là 5.492.861đ.

+ Đối với tiền lãi 7.328.600đ ông H và bà L mỗi người được hưởng một nửa là 3.664.300đ.

Như vậy, theo tính toán trên thì trong tổng số 49.988.618đ thì bà L được chia là 20.088.756đ, ông H được chia là 29.889.862đ. Theo đơn khởi kiện của bà L thì bà chỉ yêu cầu ông H chia số tiền 20.000.000đ và không yêu cầu gì khác, do số tiền này ít hơn số tiền bà L được chia theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông H có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền 20.000.000đ. Như vậy, số tiền ông H được chia là 29.988.618đ (hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm mười tám đồng).

[4] Về án phí: Các đương sự mỗi người phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được chia. Bà L chịu 1.000.000đ, ông H chịu 1.499.421đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn.

Chia cho bà L số tiền bảo hiểm nhân thọ tổng cộng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Do ông H đã nhận toàn bộ số tiền tất toán theo hợp đồng bảo hiểm nên ông H có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Chia cho ông H số tiền bảo hiểm nhân thọ tổng cộng 29.988.618đ (hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà L chịu 1.000.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 500.000đ tạm ứng án phí nộp theo biên lai thu số 0013621 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Bà L còn phải nộp 500.000đ. Ông H chịu 1.499.421đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy